

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN**

Kính gửi: Hội đồng xét duyệt công nhận sáng kiến kinh nghiệm Trường Tiểu học Trần Phú huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

**1. Tôi ghi tên dưới đây:**

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả nếu có)
1	Tổng Văn Tháp Giang	10/12/1980	Trường Tiểu học Trần Phú	Giáo viên	Đại học	

**2. Là tác giả đề nghị xét công nhận sáng kiến:** Một vài thủ thuật giúp học sinh hứng thú học từ vựng đạt hiệu quả lớp 4A5 – trường Tiểu học Trần Phú

**3. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến:**

**4. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến:** Chuyên môn. Dùng cho môn học Tiếng Anh.

**5. Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử:** đã áp dụng từ Từ tháng 09/2023 đến cuối tháng 12/2023 (Học kỳ 1 năm học 2023 – 2024)

**6. Mô tả bản chất của sáng kiến.**

**6.1. Tình trạng của giải pháp đã biết.**

**6.1.1. Tình trạng của đơn vị:**

Trường Tiểu học Trần Phú là một trường điểm của huyện Tân Hồng. Chất lượng giáo dục luôn được đặt lên trên hết. Đặc biệt với bộ môn tiếng Anh. Phụ huynh rất kỳ vọng việc học tiếng Anh của con em mình tại trường.

Tuy nhiên hiện tại trường vẫn chưa được đầu tư phòng học tiếng Anh đạt chuẩn theo quy định. Từ đó việc dạy và học của thầy và trò cũng gặp không ít khó khăn nhất định.

Từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan nêu trên, chất lượng giáo dục của môn tiếng Anh chưa đạt được kết quả như mong đợi của thầy và trò.

**6.1.2. Tình trạng của bản thân:**

Bản thân đã được tham gia khóa học nâng cao nghiệp vụ Sư phạm Tiểu học theo Đề án Ngoại ngữ 2020 và đã đạt chuẩn B2 theo khung tham chiếu châu Âu. Được tham gia các lớp tập huấn chuyên môn, sử dụng tốt công nghệ thông tin.

Nhiệt tình, sáng tạo, có ý thức đổi mới phương pháp dạy học. Luôn luôn thân thiện, giúp đỡ và chia sẻ với học sinh.

Được tham gia các lớp tập huấn chuyên môn, sử dụng tốt công nghệ thông tin, thành thạo khi sử dụng các phần mềm tin học.

Luôn luôn thân thiện, giúp đỡ và chia sẻ với học sinh.

Giáo viên luôn khuyến khích và tuyên dương học sinh, khi các em thực hiện tốt, hay có sự tiến bộ trong học tập. Đặc biệt đối với những học sinh hạn chế năng lực học tập tôi thường khuyến khích bằng cách khen ngợi các em trước lớp khi tham gia vào giờ học.

## 6.2. Nội dung của giải pháp đề nghị công nhận là sáng kiến.

### 6.2.1. Mục đích của các giải pháp:

Với một quyết tâm rất cao, với một lòng yêu nghề. Mong muốn kết quả học tập của học sinh cao hơn. Học sinh rất thích học Tiếng Anh, hằng say học tập Tiếng Anh. Từ những thực trạng trên tôi đã tổng hợp và đúc kết **“Một vài thủ thuật giúp học sinh hứng thú học từ vựng đạt hiệu quả lớp 4A5 – trường Tiểu học Trần Phú”**.

### 6.2.2. Tính mới của giải pháp:

#### 6.2.2.1. Ứng dụng CHANT.

CHANT là một phương pháp mới, rất hữu hiệu, học sinh luôn bị cuốn hút với những bài Chant, học sinh có thể Chant từ vựng.



Giáo viên linh động, hướng dẫn học sinh Chant theo trình tự.

Kết hợp linh động Chant theo nhạc, học sinh bị thu hút với những điệu nhạc Chant rất sinh động. Học sinh lắng nghe và Chant theo nhịp điệu.

Linh động Chant theo nhịp của tiếng vỗ tay, học sinh lắng nghe và Chant theo rất sinh động.

Giáo viên dùng phách, rõ phách theo nhịp điệu, học sinh và giáo viên cùng nhau thực hiện.



Tiếp theo các em thực hiện Chant theo lượt, lớp học rất sinh động, thu hút tất cả học sinh.



Ứng dụng phương pháp này, lớp học rất sinh động, học sinh hạn chế năng lực học tập rất thích thú, tham gia vào tiết học rất tích cực và đạt hiệu quả cao.

#### **6.2.2.2. Dạy từ vựng theo sách giáo khoa và bổ sung từ cần thiết.**

Tiếng Anh là một môn học có tầm quan trọng, nó là công cụ để giao tiếp với các nước trên thế giới. Muốn giao tiếp tốt chúng ta phải có vốn từ phong phú.

Ở môi trường tiểu học hiện nay, khi nói đến ngữ liệu mới là chủ yếu nói đến ngữ pháp và từ vựng, từ vựng là ngữ pháp luôn có mối quan hệ khăng khít với nhau, luôn được dạy phối hợp để làm rõ nghĩa của nhau. Tuy nhiên việc dạy và giới thiệu từ vựng là vấn đề cụ thể. Thông thường trong một bài học luôn xuất hiện những từ mới, xong không phải từ mới nào cũng cần đưa vào để dạy. Để chọn từ cần dạy, giáo viên cần xem xét những vấn đề:

- Từ chủ động (active vocabulary)
- Từ bị động (passive vocabulary)

Chúng ta đều biết cách dạy hai loại từ này khác nhau. Từ chủ động có liên quan đến bốn kỹ năng (nghe – nói – đọc – viết). Đối với loại từ này giáo viên cần đầu tư thời gian để giới thiệu và cho học sinh tập nhiều hơn.

Với từ bị động giáo viên chỉ cần dừng ở mức nhận biết, không cần đầu tư thời gian vào các hoạt động ứng dụng. Giáo viên cần biết lựa chọn và quyết định xem sẽ dạy từ nào như một từ chủ động và từ nào như một từ bị động.

- Khi dạy từ mới cần làm rõ ba yếu tố cơ bản của ngôn ngữ là:

- + Form (dạng từ).
- + Meaning (ý nghĩa).
- + Use (cách sử dụng).

Đối với từ chủ động ta chỉ cho học sinh biết chữ viết và định nghĩa như từ điển thì chưa đủ, để cho học sinh biết cách dùng chúng trong giao tiếp, giáo viên cần cho học sinh biết cách phát âm, không chỉ từ riêng lẻ, mà còn biết phát âm đúng những từ đó trong chuỗi lời nói, đặc biệt là biết nghĩa của từ.

- Số lượng từ cần dạy trong bài tùy thuộc vào nội dung bài và trình độ của học sinh. Không bao giờ dạy tất cả các từ mới, vì sẽ không có đủ thời gian thực hiện các hoạt động khác. Tuy nhiên, trong một tiết học chỉ nên dạy tối đa là 6 từ.

- Trong khi lựa chọn từ để dạy, bạn nên xem xét đến hai điều kiện sau:

- + Từ đó có cần thiết cho việc hiểu văn bản không ?
- + Từ đó có khó so với trình độ học sinh không ?

- Nếu từ đó cần thiết cho việc hiểu văn bản và phù hợp với trình độ của học sinh, thì nó thuộc nhóm từ tích cực, do đó bạn phải dạy cho học sinh.

- Nếu từ đó cần thiết cho việc hiểu văn bản nhưng khó so với trình độ của học sinh, thì nó không thuộc nhóm từ tích cực, do đó bạn nên giải thích rồi cho học sinh hiểu nghĩa từ đó ngay.

- Nếu từ đó không cần thiết cho việc hiểu văn bản và cũng không khó lắm thì bạn nên yêu cầu học sinh đoán.

### 6.2.2.3. Các thủ thuật gợi mở giới thiệu từ mới:

- Giáo viên có thể dùng một số thủ thuật gợi mở giới thiệu từ mới như:

\* **Visual (nhìn):** Giáo viên cho học sinh nhìn tranh ảnh, vẽ phác họa cho các em nhìn, giúp giáo viên ngữ nghĩa hóa từ một cách nhanh chóng.

Ví dụ: (Unit 8 – Lesson 1 – P. 60 – Family and Friends National Edition 4)



\* **Mime (điều bộ):** Thể hiện qua nét mặt, điệu bộ.

Ví dụ: (Unit 1 – Lesson 1 – P. 10 – Family and Friends National Edition 4)



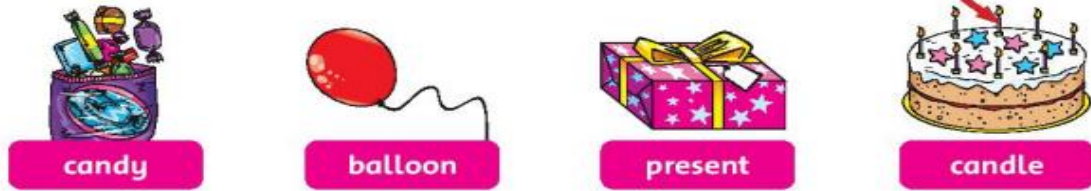
Giáo viên thể hiện các hành động, cử chỉ và điệu bộ cho phù hợp với từng nghề nghiệp. Học sinh sẽ đoán được nghề nghiệp mà giáo viên đã thể hiện.

Bên cạnh đó, giáo viên mời học sinh biểu diễn, các học sinh còn lại quan sát, đoán và trả lời nghề nghiệp bạn mình đã diễn tả.

Việc làm này thu hút toàn thể các em học sinh phải tham gia và tương tác cùng nhau. Từ đó các em tiếp thu nhanh hơn.

\* **Realia (vật thật):** Dùng những dụng cụ trực quan thực tế có được.

Ví dụ: (Unit 2 – Lesson 1 – P. 16 – Family and Friends National Edition 4)



Teacher points real CANDY and BALLON in the classroom.

Teacher asks, “What’s this?”

Students answer : **Candy and ballon.**

\* **Situation / explanation(tình huống/giải thích):**

Ví dụ: (Unit 4–Lesson 1– P. 32–Family and Friends National Edition 4)



Teacher explains, “There are many subjects”

Teacher asks, “*Tell me the word in Vietnamese.*”

Students answer : **Art, math, English, P.E., Vietnamese....**

\* **Example (ví dụ):**

Ví dụ: (Unit 5–Lesson 3–P. 40 – Family and Friends National Edition 4)



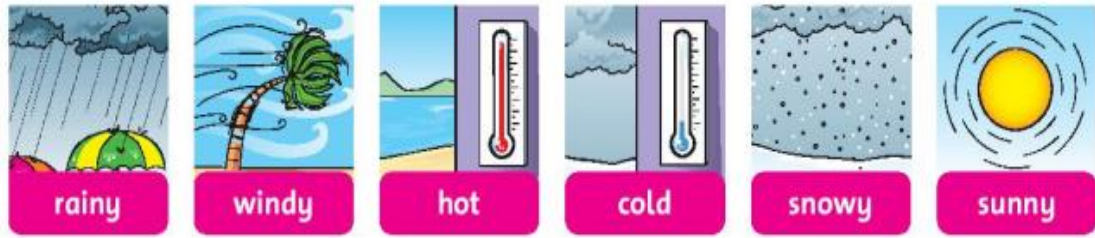
Teacher lists examples of furniture: “table, chair, pencil case, board – these are all ... school things... Give me another example of... school things...”

Students answer : **table, chair, pencil case, and board.**

\* **Synonyon \ antonyon (đồng nghĩa \ trái nghĩa):**

Giáo viên dùng những từ đã học rồi để giảng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa.

Ví dụ: (Unit 7– Lesson 1 – P.54 – Family and Friends National Edition 4)



Teacher asks, “What’s another word for HOT?”

Students answer : **COLD**

Ví dụ: **RAINY** > < **SUNNY**

Teacher asks, “What’s the opposite of RAINY?”

Students answer : **SUNNY**

**\* Teacher’s eliciting questions (câu hỏi gợi ý) :**

Ví dụ: (Unit 9–Lesson 1 – P.66 – Family and Friends Special Edition 4)



Để giới thiệu từ mới, giáo viên dạy cho học sinh theo bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết.

+ Nghe: Giáo viên đọc mẫu, học sinh lắng nghe.

+ Nói: Giáo viên đọc từ, học sinh đọc lại.

+ Đọc: Giáo viên viết từ lên bảng, học sinh đọc từ bằng mắt, bằng miệng.

+ Viết: Học sinh viết từ vào tập.

Trong khi dạy từ mới phải ghi nhớ các điểm sau: Nên giới thiệu từ trong mẫu câu, ở những tình huống giao tiếp khác nhau, giáo viên kết hợp việc làm việc đó, bằng cách thiết lập được sự quan hệ giữa từ cũ và từ mới, từ vựng phải được củng cố liên tục.

Giáo viên thường xuyên kiểm tra từ vựng vào đầu giờ bằng cách cho các em viết từ vào bảng con và giơ lên, với cách này giáo viên có thể quan sát được toàn bộ học sinh ở lớp, bắt buộc các em phải học bài và nên nhớ cho học sinh vận dụng từ vào trong mẫu câu, với những tình huống thực tế giúp các em nhớ từ lâu hơn, giao tiếp tốt và mang lại hiệu quả cao.

Để học sinh tiếp thu bài tốt đòi hỏi khi dạy từ mới, giáo viên cần phải lựa chọn các phương pháp cho phù hợp, chúng ta cần chọn cách nào ngắn nhất, nhanh nhất, mang lại hiệu quả cao nhất, là sau khi học xong từ vựng thì các em đọc được, viết được và biết cách đưa vào các tình huống thực tế.

### **6.2.3. Biện pháp tổ chức thực hiện:**

**\* Các bước tiến hành giới thiệu từ mới:**

Bước giới thiệu bài, giới thiệu chủ đề: đây là bước khá quan trọng trong việc dạy từ vựng. Bước này sẽ quyết định sự thành công của tiết học, nó sẽ gợi mở cho học sinh liên tưởng đến những từ sắp học qua chủ điểm vừa mới được giới thiệu.

Điều quan trọng nhất trong giới thiệu từ mới là phải thực hiện theo trình tự: nghe, nói, đọc, viết. Đừng bao giờ bắt đầu từ hoạt động nào khác “nghe”. Hãy nhớ lại quá trình học tiếng mẹ đẻ của chúng ta, bao giờ cũng bắt đầu bằng nghe, bắt chước phát âm rồi mới tới những hoạt động khác. Hãy giúp cho học sinh của bạn có một thói quen học từ mới một cách tốt nhất:

- **Bước 1: “Nghe”**, bạn cho học sinh nghe từ mới bằng cách đọc mẫu hoặc mở băng đĩa cho học sinh nghe.

- **Bước 2: “Nói”**, sau khi học sinh đã nghe được ba lần bạn mới yêu cầu học sinh nhắc lại. Khi cho học sinh nhắc lại, bạn cần chú ý cho cả lớp nhắc lại trước, sau đó mới gọi cá nhân.

- **Bước 3: “Đọc”**, bạn viết từ đó lên bảng và cho học sinh nhìn vào đó để đọc. Cho học sinh đọc cả lớp, rồi đọc cá nhân và sửa lỗi cho học sinh tới một chừng mực mà bạn cho là đạt yêu cầu.

- **Bước 4: “Viết”**, sau khi học sinh đã đọc từ đó một cách chính xác rồi bạn mới yêu cầu học sinh viết từ đó vào vở.

- **Bước 5:** Bạn hỏi xem có học sinh nào biết nghĩa của từ đó không và yêu cầu một học sinh lên bảng viết nghĩa của từ đó bằng tiếng Việt.

- **Bước 6:** Đánh trọng âm từ: phát âm lại từ và yêu cầu học sinh nhận diện âm tiết có trọng âm và đánh dấu.

- **Bước 7:** Cho câu mẫu và yêu cầu học sinh xác định từ loại của từ mới học.

#### ***\* Các thủ thuật kiểm tra và củng cố từ mới:***

Chúng ta biết rằng chỉ giới thiệu từ mới thôi không đủ, mà chúng ta còn phải thực hiện các bước kiểm tra và củng cố. Các thủ thuật kiểm tra và củng cố sẽ khuyến khích học sinh học tập tích cực và hiệu quả hơn. Trong hoạt động này, chúng ta có thể sử dụng để kiểm tra từ mới. Sau đây là năm thủ thuật kiểm tra từ mới:

1. Rub out and Remember
2. Slap the board
3. What and where
4. Matching
5. Bingo
6. Listen order vocabulary

#### ***\* Hướng dẫn học sinh học từ vựng ở nhà:***

Để phát huy tốt tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh trong học tập, thì chúng ta cần tổ chức quá trình dạy học theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học, trong quá trình dạy và học, giáo viên chỉ là người truyền tải kiến thức đến học sinh, học sinh muốn lĩnh hội tốt những kiến thức đó, thì các em phải tự học bằng chính các hoạt động của mình.

Ngay từ đầu từ năm học, giáo viên cần hướng dẫn học sinh xây dựng hoạt động học tập ở nhà.

### **6.3. Ưu, nhược, điểm của giải pháp mới.**

Phát huy tốt tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh trong học tập. Học sinh lĩnh hội tốt những kiến thức.

Trước khi đi vào những vấn đề cụ thể, chúng ta thống nhất với nhau rằng, phương pháp chủ đạo trong dạy học ngoại ngữ của chúng ta là lồng ghép, nghĩa là từ mới cần được dạy trong ngữ cảnh, ngữ cảnh có thể là một vật thật, tranh ảnh hay một bài hội thoại. Tuy nhiên, nói đến cùng thì việc dạy và học ngoại ngữ vẫn là việc dạy từ mới như thế nào, dạy từ mới như thế nào để học sinh biết cách sử dụng từ mới và cấu trúc mới trong giao tiếp bằng tiếng nước ngoài.

Ngay từ đầu, giáo viên cần xem xét các thủ thuật khác nhau cho từng bước xử lý từ vựng trong các ngữ cảnh mới : gợi mở, dạy từ, kiểm tra và củng cố từ vựng.

- Học sinh luôn có cơ hội và điều kiện vận dụng từ vựng vừa học để thực hành với các mẫu câu đã học.

- Dùng sẵn mẫu câu đã học hoặc sắp học để giới thiệu từ mới.

- Dùng tranh ảnh, dụng cụ trực quan để giới thiệu từ mới .

- Đảm bảo cho học sinh nắm được cấu trúc, vận dụng từ vựng vào cấu trúc để hoàn thiện chức năng giao tiếp. Thiết lập mối quan hệ giữa cấu trúc mới và vốn từ đã có.

- Khắc sâu vốn từ trong trí nhớ của học sinh thông qua các mẫu câu và qua những bài tập thực hành.

## **7. Khả năng áp dụng của giải pháp.**

### **Khả năng và phạm vi áp dụng sáng kiến, giải pháp:**

Sáng kiến này đã áp dụng thành công tại trường Tiểu học Trần Phú và có thể áp dụng rộng rãi trên địa bàn toàn tỉnh.

Sau một thời gian vận dụng các thủ thuật giúp học sinh học từ vựng trên lớp và một số thủ thuật giúp học sinh học từ vựng khi ở nhà. Nguồn từ vựng của học sinh đã được tăng lên rõ rệt. Có được nguồn từ vựng này sẽ giúp các em tích cực tham gia học tập, nghiên cứu, tự tin hơn trong thực hành và giao tiếp, góp phần nâng cao chất lượng học tập trong bộ môn tiếng Anh của học sinh và hiệu quả trong việc giảng dạy tiếng Anh của giáo viên.

Như vậy, việc vận dụng các thủ thuật giúp học sinh học từ vựng ở trên lớp, không chỉ tạo không khí vui vẻ, phấn khởi học tập của học sinh, mà là một thủ thuật khoa học, sáng tạo của người thầy. Tôi tin rằng nếu tiếp tục thực hiện sáng kiến kinh nghiệm này một cách nghiêm túc, xuyên suốt quá trình giảng dạy thì chất lượng học tập bộ môn Tiếng Anh trong trường Tiểu học Trần Phú nói riêng mà còn trong cả huyện sẽ có được những kết quả khả quan hơn.



## **8. Hiệu quả, lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng giải pháp.**

Qua tác động các giải pháp nêu trên và kết quả các thành tích, hình ảnh điển hình, tôi đã thống kê kết quả như sau:

Sau một thời gian áp dụng **“Một vài thủ thuật giúp học sinh hứng thú học từ vựng đạt hiệu quả lớp 4A5 – trường Tiểu học Trần Phú”**.

Ngoài việc hướng dẫn cách đọc, phát âm đúng từ vựng, mẫu câu, luôn tạo cho học sinh tính chuyên cần, siêng năng khi đọc tiếng Anh, việc học của các em đã tăng đáng kể. Phần lớn các em đều thích học và đọc tiếng Anh với kết quả như sau:

<b>Thời gian</b>	<b>Tổng số học sinh</b>	<b>Chưa thích học Tiếng Anh</b>	<b>Thích học Tiếng Anh</b>	<b>Rất thích học Tiếng Anh</b>
<b>Đầu năm học</b>	23	9	9	5
<b>Giữa học kỳ 1</b>	23	6	10	7
<b>Cuối học kỳ 1</b>	23	0	6	17

Ngoài ra :

- Các tiết học trở nên sôi nổi và sinh động hơn.
- Học sinh đã thuộc các từ mới ngay tại lớp học.
- Vốn từ vựng của các em tăng lên rõ rệt.
- Các em học sinh còn hạn chế có thể sử dụng được từ vựng vào mẫu câu đơn giản. Những học sinh có năng khiếu có thể sử dụng từ vựng trong những câu phức tạp hơn.

## **9. Những thông tin cần được bảo mật (nếu có): Không**

## **10. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến.**

- Giáo viên nhiệt tình trong công tác giảng dạy, cần phải linh động để áp dụng cho tất cả các hoạt động.
- Đơn vị hỗ trợ những trang thiết bị cần thiết để phục vụ việc dạy và học của thầy và trò.

## **11. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả.**

Tôi thực hiện đề tài này chỉ là một phần trong tiết học, tuy nhiên nó đóng vai trò rất quan trọng cho việc thực hành mẫu câu, việc đối thoại có trôi chảy, lưu loát hay không đều phải phụ thuộc vào việc học thuộc lòng từ vựng và phát âm có chuẩn hay không. Nhưng để thực hiện giảng dạy tốt một tiết từ vựng, không chỉ cần có sự đầu tư vào bài giảng, vào các bước lên lớp của giáo viên, mà còn phụ thuộc rất nhiều vào sự hợp tác của thầy và trò. Do vậy tôi đã đưa ra một số yêu cầu đối với học sinh như: Chuẩn bị bài ở nhà, trong giờ học phải nghiêm túc.

**12. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử (nếu có).**

**13. Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có).**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Ngày tháng năm sinh</b>	<b>Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Nội dung công việc hỗ trợ</b>

Tôi xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

*Tân Hồng, ngày 30 tháng 3 năm 2024*

**NGƯỜI NỘP ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Tổng Văn Thập Giang**

## PHỤ LỤC MỘT SỐ HÌNH ẢNH MINH HOẠ

### *Ứng dụng CHANT.*

Ví dụ: (Unit 3 – Lesson 1 – P. 22 – Family and Friends National Edition 4)



Giáo viên linh động, hướng dẫn học sinh Chant theo trình tự.



Học sinh thực hiện Chant theo lượt, lớp học rất sinh động, thu hút tất cả học sinh.

\* **Visual (nhìn):** Giáo viên cho học sinh nhìn tranh ảnh, vẽ phác họa cho các em nhìn, giúp giáo viên ngữ nghĩa hoá từ một cách nhanh chóng.

Ví dụ: (Unit 8 – Lesson 1 – P. 60 – Family and Friends National Edition 4)



\* **Mime (điệu bộ):** Thể hiện qua nét mặt, điệu bộ.

Ví dụ: (Unit 1 – Lesson 1 – P. 10 – Family and Friends National Edition 4)



\* **Realia (vật thật):** Dùng những dụng cụ trực quan thực tế có được.

Ví dụ: (Unit 2 – Lesson 1 – P. 16 – Family and Friends National Edition 4)



\* **Situation / explanation (tình huống/giải thích):**

Ví dụ: (Unit 4 – Lesson 1 – P. 32 – Family and Friends National Edition 4)



**\* Example (ví dụ):**

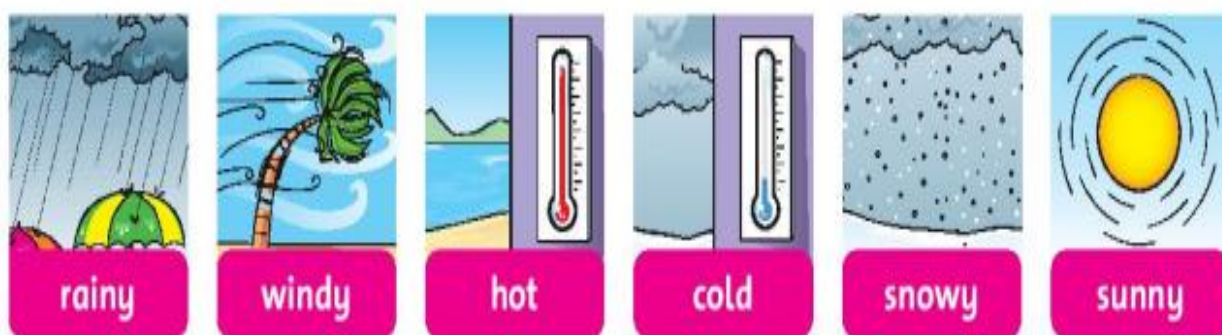
Ví dụ: (Unit 5–Lesson 3–P. 40 – Family and Friends National Edition 4)



**\* Synonym \ antonym (đồng nghĩa \ trái nghĩa):**

Giáo viên dùng những từ đã học rồi để giảng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa.

Ví dụ: (Unit 7– Lesson 1 – P.54 – Family and Friends National Edition 4)



**\* Teacher's eliciting questions (câu hỏi gợi ý) :**

Ví dụ: (Unit 9–Lesson 1 – P.66 – Family and Friends Special Edition 4)



get up



have breakfast



go to school



go home



have dinner



go to bed